TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 465/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2018
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu H – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

Ngày 11-9-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số 15/93 đường B, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6/88/223 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Số 66 đường K, tổ 15 phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt. Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-6-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 2 năm, chị và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 14 tháng 3 năm 2014.

Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách do đó thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ khó khăn về kinh tế, lại lâu chưa có con nên thường xảy ra va chạm. Hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm và bàn bạc chữa trị để có con nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn gay gắt nên chị đã trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Ngọc T.

- Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 7 năm 2018, bị đơn là anh Trần Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bầy là đúng. Nay chị H làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng không còn tình cảm, không đoàn tụ được.

- Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 20-8-2018 của chị Trần Thị Thu H, chính quyền địa phương nơi chị H và anh T cư trú đã xác nhận: Quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về lối sống và tính cách nên hay xảy ra va chạm cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh T, chị H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Vợ chồng chị H, anh T không có con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố N không tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, chỉ thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo thủ tục chung là đúng với quy định của Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc T tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố N vào tháng 3 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp về lối sống và tính cách, không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế. Mặt khác anh chị kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung, mặc dù hai bên đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm, tìm biện pháp chữa trị để có con nhưng đều không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm tới nhau.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến trụ sở Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho hai bên khắc phục những mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Anh T có lời khai tại Tòa án đồng ý ly hôn với chị H nhưng không đến tham gia phiên họp, phiên tòa xét xử. Điều đó chứng tỏ cả hai bên không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, cũng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]Về con chung: Chị H và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]Về chia tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Ngọc T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp theo

biên lai số 0000117 ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng